

**MỘT VÕ TRẠNG NGUYÊN TRUNG HOA
TỬ TRẬN TẠI NƯỚC TA**

Nguyễn Duy Chính

sugia.vn xin chân thành cảm ơn anh Nguyễn Duy Chính
đã cung cấp các bài viết giá trị này

MỞ ĐẦU

Nghiên cứu về chiến dịch Việt – Thanh đầu xuân năm Kỷ Dậu, sử nước ta thường nhấn mạnh vào những chi tiết không mấy chính xác, sử dụng những số liệu dựa trên dật sự ngoài sách vở.

Những con số đó dường như để thoả mãn điều chúng ta muốn nói hơn là đi sát thực tế của tình hình. Trong khi đó, hành trạng và vai trò của các tướng lãnh nhà Thanh lại ít ai để ý.



Kỳ binh nhà Thanh

Thiên khảo luận này chỉ để bổ túc cho bài “Trận Kỷ Dậu”, nhấn mạnh vào thành phần chỉ huy của địch vì xuyên qua tiểu sử của họ, chúng ta có thể nhìn ra được một số chi tiết mà người ta cố tình hay vô ý bỏ qua.

Như trong bài “Trận Kỷ Dậu” chúng tôi đã nêu ra, Thăng Long khi đó là đại bản doanh của quân Thanh, nơi tập trung toàn bộ tham mưu của Tôn Sĩ Nghị. Bộ tham mưu đó, một phần tin tưởng rằng họ đã hoàn toàn thắng lợi - mục tiêu sơ khởi là đưa Lê Chiêu Thống trở lại ngai vàng đã thành công – chỉ cần đợi đến sau Tết sẽ tiến hành một kế hoạch mới, dưới danh nghĩa thu hồi lãnh thổ của nhà Lê nhưng thực ra là một kế hoạch chiếm đóng lâu dài, biến nước ta thành một khu vực trực tiếp cai trị không khác gì Mông Cổ, Tân Cương, Tây Tạng, Đài Loan.

Nhiều lý do đã đưa đến thắng lợi của quân Nam trong đó có mặt chủ quan và khách quan của tình hình lúc đó. Sử nhà Thanh nhấn mạnh vào yếu tố khinh địch của Tôn Sĩ Nghị (trong đó nhiều chi tiết đã được bịa đặt để chứng minh việc này) và đề cao sự dũng cảm của các tướng lãnh. Chỉ gần đây, sau khi các sử gia công bố một số lời khai của các tù binh nhà Thanh, chúng ta mới có thêm một số dữ kiện cải chính lại thực tế của mặt trận lúc đó.

Dù sao chăng nữa, bỏ ra ngoài số binh lính thương vong, việc toàn thể bộ chỉ huy bao gồm 1 đề đốc, 2 tổng binh, 2 phó tướng, 3 tham tướng, 4 du kích ... đều tử trận là một tổn thất đáng kể, có thể nói là một chiến bại chưa từng xảy ra trong suốt đời vua Cao Tông.

Cuộc chiến Việt Thanh tuy không phải là một trận đánh qui mô, kéo dài nhiều năm tháng với những chi phí khổng lồ như những lần viễn chinh khác nhưng khách quan mà nói, trận đánh tại Thăng Long đã khởi đầu cho một chiến thuật mới, lấy chớp nhoáng để chống với phương cách lấn chiếm và đồng hoá tiệm tiến của nhà Thanh, dùng số đông và kỹ thuật vượt trội để đạt ưu thế khiến địch trở tay không kịp.

Người ta có thể so sánh trận đánh này với những tấn công của liệt cường một nửa thế kỷ sau đó vì dường như có sự lặp lại trên một số điểm. Chiến thuật của Nguyễn Huệ xem ra đi gần với lý thuyết quân sự phương Tây mà Napoléon và Clausewitz đại diện hơn là binh pháp cổ điển vẫn được dùng làm kinh điển trong mấy chục thế kỷ tại phương Đông.

TỪ THI CỬ VÀ TUYỂN MỘ ...

Người Trung Hoa đã áp dụng một hệ thống thi cử để tuyển mộ võ quan từ đời nhà Đường. Thi võ thường vào mùa thu nên còn gọi là “*thu vi*” (秋闈). Hai từ ngữ *võ vi* hay *thu vi* đều để chỉ các khoa thi võ. Theo lịch sử, khoa thi võ đầu tiên được mở dưới đời Võ Tắc Thiên, Trường An nhị niên (702 TL) và khoa thi võ sau cùng vào năm 1901, dưới đời vua Quang Tự, tính ra tồn tại ở Trung Hoa 12 thế kỷ.

Võ khoa đầu tiên chủ yếu là bắn cung bao gồm bắn từ xa (trường đoá - 長垛), bắn trên lưng ngựa (mã xạ - 馬射), bắn dưới đất (bộ xạ - 步射), bắn ngang (bình xạ - 平射), và ngẩng lên bắn (kiều quan - 翹關). Ngoài ra còn thi vác đồ nặng, mang một bao gạo năm đấu¹, đi được hai mươi bước thì trúng cách. Sau đó võ sinh phải thi ứng đối về cách dùng binh.

Văn quan nếu muốn thi võ thì thân thể phải cao ít nhất 6 thước,² tuổi phải dưới 40 và khoẻ mạnh, biết sử dụng một món binh khí như thổi ống xì đồng (đồng tiễn - 筒箭) hay bắn nỏ.³ Đời Đường Huyền Tông bắt đầu tuyển võ cống sĩ, Quách Tử Nghi đỗ cử nhân, làm hữu vệ trưởng sử sau lập nhiều công lớn, lên tới tước vương.

Sang đời Tống, ngoài võ nghệ, thí sinh phải học tập bảy bộ võ kinh (*Võ Kinh Thất Thư*) được dùng để sát hạch các thí sinh (*Lục Thao* của Thái Công, *Tam Lược* của Hoàng Thạch Công, *Tư Mã binh pháp*, *Tôn Tử binh pháp*, *Ngô Tử binh pháp*, *Uý Liễu Tử binh pháp* và *Đường Thái Tông Lý Vệ Công vấn đối*). Bảy bộ kinh này được dùng từ đời Tống, đến đời Thanh vẫn không thay đổi. Những ai không tinh thông kinh điển bị loại ngay từ đầu, không được thi. Chính vì thế người ta đã có câu: “*dĩ sách đối vi khứ lưu, dĩ cung mã vi cao hạ*” (sách đối là để được thi hay không, cung mã là để chọn ai cao thấp).

Đời Tống đặc biệt thiết lập “*tuyệt luân khoa*” dành riêng cho những ai có sức khoẻ hơn người, tinh thông cả văn lẫn võ nên về sau người ta gọi là “*văn võ song toàn tuyển khoa*”. Đời Tống mở đầu việc phân ra tam giáp, nhất giáp đệ nhất danh là *trạng nguyên*, nhị danh, tam danh gọi là *bảng nhãn* (mắt bảng). Đến đời Nam Tống, nhị danh gọi là *bảng nhãn*, còn tam danh gọi là *thám hoa*. Từ đó trở về sau nhất giáp tiến sĩ mới có tên trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa. Trong hơn 200 năm, nhà Tống mở 78 khoa thi lấy đỗ 78 trạng nguyên võ. Nói chung những định thức về thi cử phần lớn khởi đầu từ đời Tống.

Mục đích của nhà Tống mở các khoa thi võ là để kiếm những nho sĩ có tài quân sự (thiện chiến địch nho tướng) và sử sách vẫn cho rằng phương pháp này có nhiều ưu điểm hơn việc chỉ cầu tuyển dụng người có sức khoẻ và võ nghệ mà thôi. Người ta còn ghi nhận nhiều danh thần như Chu Tập (朱熠), Sái Tất Thắng (蔡必勝), quân sự lý luận gia như Hoa Nhạc (華岳), Giang Bá Hổ (江伯虎) hay tướng giỏi như Trình Minh Phong (程鳴風), Hứa Tư Thuần (許思純), Trương Kiến Hầu (張建侯) ...

Đời Nguyên, Trung Hoa không có khoa thi võ vì các chức vụ quân sự đều do người Mông Cổ cha truyền con nối, người Hán không được tham dự.

Sang đời Minh, triều đình không chú trọng lắm về các khoa thi võ, cũng không cải tiến thêm điều gì. Mãi đến năm Thiên Thuận thứ 8 đời vua Anh Tông (1464), triều đình mới hạ chiếu tìm người giỏi binh pháp để “*thi sách lược trong soái phủ, thi cung mã nơi giáo trường*”. Phải đến khoảng cuối thế kỷ 15, đầu thế kỷ 16 Minh triều mới sắp xếp thi cử võ khoa một cách qui mô nhưng khảo quan vẫn do hàn lâm viện hoàn toàn đảm trách.

Dưới đời Thanh, việc tuyển mộ võ quan trở thành một nhu cầu quan trọng, nhất là khi triều đại mới thành lập, chinh chiến, nội loạn liên miên mà người Mãn Châu không sao đủ nên việc dùng người Hán là một việc cấp thiết.

Năm Thuận Trị thứ 3 (1646) nhà Thanh bắt đầu mở khoa thi cả văn lẫn võ, các khoa thi võ cũng tương tự như thi văn, chia ra bốn cấp độ chính:

- Đồng thí (童試) tổ chức 3 năm một lần tại huyện, phủ hay viện, người nào đỗ được danh hiệu *võ đồng* (武童)
- Hương thí (鄉試) cũng 3 năm một lần (các năm tí ngọ mao dậu) vào tháng 10 tại kinh đô và các tỉnh thành, ai đỗ được danh hiệu *võ cử nhân* (武舉人)
- Hội thí (會試) năm kế tiếp kỳ thi hương (thìn Tuất Sửu Mùi), cũng 3 năm một lần tại kinh đô và các tỉnh thành, ai đỗ được danh hiệu *võ tiến sĩ* (武舉進士)
- Điện thí (殿試) 10 tháng sau kỳ thi hội tại Bắc Kinh, trong đó ba người cao nhất là *võ trạng nguyên* (武狀元), *võ bảng nhãn* (武榜眼), *võ thám hoa* (武探花) còn lại là *võ tiến sĩ*.⁴

Những năm có chuyện vui mừng thì có thể có những kỳ thi đặc biệt gọi là ân khoa. Thí sinh phải là nam nhân và chưa quá 60 tuổi. Những ai đã định theo đuổi nghiệp võ không được quyền thi văn và ngược lại, ai theo đuổi nghiệp văn không được thi võ. Theo một giáo sĩ dòng Jesuit người Trung Hoa tên là Etienne Zie (Từ 徐) từng thuật hồi cuối thế kỷ 19 thì thi hương (võ cử) ở Nam Kinh gồm ba giai đoạn (đầu, nhị, tam trường), kỳ đệ nhất là kỳ thi cưỡi ngựa bắn cung (mã xạ - 馬射), kỳ đệ nhị đứng bắn trên đất (bộ tiễn - 步箭) cùng với ba lần khảo thí về thể lực (three tests of strength)⁵, kỳ đệ tam là một bài thi viết⁶.

Năm Thuận Trị 17 (1669), triều đình bỏ thi thể lực nhưng đến năm Khang Hi 13 (1674) lại khôi phục. Đến năm Càn Long thứ 25 (1760), thi bắn có thêm một lần bắn trái cầu. Bắn trên lưng ngựa gồm hai vòng, sáu mũi tên, trúng ba mũi thì hợp cách. Bộ tiễn đứng cách 30 bước, trong sáu phát trúng hai mũi là trúng cách.

Hai kỳ đệ nhất và đệ nhị là *ngoại trường* (thi bên ngoài), còn kỳ đệ tam là *nội trường* (thi trong rạp hay trong phòng thi)⁷.



Xạ thủ nhà Thanh (cầm súng điều thương, có nạng chống)

The Collision of two Civilisations, phụ trang 282-283

Một đặc điểm khá quan trọng là ngay trong việc tuyển mộ thì văn quan vẫn là người có quyền quyết định và vì thế ở địa phương, võ quan luôn luôn chỉ đóng vai tùy tùng, dưới sự giám sát và điều khiển của quan lại dù rằng họ chỉ thuần túy là nho sĩ khoa bảng xuất thân chưa từng làm quen với trận mạc.⁹

Nói tóm lại, khác với suy nghĩ thông thường của chúng ta là võ quan đời xưa ắt là tinh thông thập bát ban võ nghệ, quyền cước hơn người. Thực ra các kỳ thi võ của triều đình Trung Hoa chỉ bao gồm ba phần chính: bắn cung (trên ngựa và đứng dưới đất), thể lực (bằng cách kéo các loại cung nặng, đánh thương và cử tạ), sau cùng là văn chương (viết thuộc lòng một đoạn binh thư). Việc thi văn là một bắt buộc cho các võ quan cao cấp nhưng không đòi hỏi các võ quan cấp thấp.¹⁰

THI BẮN CUNG ĐỜI THANH

Thi bắn trong kỳ thi Hương

Đầu trường (頭場) (tức nhất trường)

Vào ngày thi, khởi sự lúc sáng sớm, các thí sinh có mặt tại huyện, ăn mặc lễ phục (mũ, áo dài, ủng nhưng không mặc áo khoác ngoài). Việc này thường là ở giáo trường tức nơi binh sĩ tập luyện tại mỗi địa phương (military training ground). Quan huyện thường

có võ quan đi theo phụ tá, khi ông ta đến, các thí sinh sắp sẵn thành từng đội, mỗi đội 10 người.

Người của bộ Binh sẽ điếm danh mười người đầu tiên, và những người đó trình diện tại địa điểm mà họ lên ngựa. Những con ngựa đó là của thí sinh nuôi hay thuê. Ở Nam Kinh, đi thuê một con ngựa trong ngày thi sẽ phải trả giá gấp đôi ngày thường.

Cầm cung và tên bằng tay trái, thêm hai mũi tên nữa cài vào dây lưng, thí sinh lên ngựa phi vòng theo xạ trường. Tới vị trí, cung thủ bắn mũi tên thứ nhất. Nếu tên trúng đích, những người tùy tùng liền gióng mấy tiếng trống cổ võ. Xạ thủ bắn thêm hai lần nữa cũng cùng một cách thức như thế vào mục tiêu thứ hai và thứ ba và nếu trúng thì tiếng trống lại nổi lên.

Cung thủ khi đó vẫn còn trên lưng ngựa liền lớn tiếng xưng danh tính của mình, sau đó xuống ngựa trao dây cương cho người khác. Nếu trong khi thi bắn, người đó bắn trượt hoặc rơi mũi tên hay té xuống ngựa thì sẽ bị coi như không đúng cách (thất nghi - 失儀) và bị loại ra khỏi các kỳ thi ngoại trường. Thí sinh xuống ngựa tay vẫn cầm cung trình diện trước khảo quan đứng ở đằng cuối trường bắn. Y cúi chào, báo danh một lần nữa, và cung kính lui về. Việc đó tiếp diễn cho tất cả các thí sinh trong nhóm, và rồi tới nhóm thứ hai và sau nữa đến khi hoàn tất.



Xạ thủ (Thanh) khoảng 1870

Ảnh chụp của John Thompson

Chinese Archery, tr. 346

Khi việc bắn cung trên ngựa đã xong, khảo quan không thông báo kết quả mà chỉ cho biết thời điểm thi bắn trên bộ, hoặc ngay chiều hôm đó, hoặc hôm sau.

Đường chạy ngựa (thường được gọi là mã lộ, mã đạo hay tiền lộ) dài 307 m là một đường rãnh hai bên đắp hai bờ đất thấp. Ba tấm bia đặt cách tường đất 1.8m dọc theo mã lộ, cách nhau 90 m, làm bằng rơm phủ giấy trắng hình trụ cao 1.6 m, hai đầu có hai hình tròn đen, giữa là một hình tròn đỏ. Cũng có khi bia làm bằng mây bó lại thành bó cao 2.5m là những tấm bia tập bắn mà người Trung Hoa gọi là *tam tài ba tử* (三才靶子) tức bia tam tài.

Nhị trường (二場)

Thi bắn trên bộ thường xảy ra tại huyện đường, trong vòng tường dưới sự giám sát của chính huyện quan, cùng một võ quan phụ tá. Việc xướng danh vẫn do bộ Binh đảm trách và các thí sinh lại chia thành từng tổ mười người.

Sau khi gọi tên và chia thành nhóm rồi, họ lại trình diện huyện quan, một thí sinh bước ra, tay trái cầm cung, năm mũi tên gài trên dây đai sau lưng. Sau khi đeo một nhẫn bảo vệ (chữ gọi là *quyết* - 玦 – một cái vòng bằng đá, ngọc hay kim loại để bảo vệ khi mũi tên sượt qua khỏi làm cung thủ bị thương) vào ngón tay cái, thí sinh đứng ngay ngắn để tổ lòng kính trọng khảo quan. Sau đó y rút một mũi tên, lắp vào dây cung xoạc chân hơi nghiêng qua một bên, nắm chắc cánh cung trong khi mắt vẫn nhìn vào hồng tâm rồi buông tên. Nếu y bắn trúng, tiếng trống nổi lên. Cung thủ lại chập chân về, tay vẫn vươn dài và để yên một lát trước khi đứng thẳng lên lần nữa. Và y bắn tiếp mũi thứ hai theo cùng cách thức cho đến khi hết cả năm mũi tên. Để kết thúc vòng thi, thí sinh tiến đến trình diện khảo quan giống như khi thi bắn trên lưng ngựa và rồi một người khác trong đội đi lên thế chỗ.

Khi thi xong, cửa huyện đường mở và mọi người đi ra không chiêng trống hay sùng lệnh. Kết quả không được công bố mà huyện quan chỉ thông báo ngày giờ kỳ thi thể lực.

Thi thể lực là trắc nghiệm về sức khỏe của thí sinh. Thử thách quan trọng nhất là giương *hiệu cung* (號弓) một loại cung cực lớn và nặng đánh số 1, 2, 3 tương ứng với 12, 10 và 8 lực (70.8 kg, 59 kg và 47.2 kg)¹¹. Những cây cung đó chế tạo y hệt các cây cung thường có điều dày bản hơn, nhiều lớp hơn (Xem thêm “Vó Ngựa và Cánh Cung”, biên khảo của Nguyễn Duy Chính). Cung thường dây bằng lụa tết lại trong khi hiệu cung dây làm bằng ruột bò, thân cung có trang trí hoa văn và đánh số.

Hiệu cung không phải dùng để bắn. Thí sinh cầm cung bằng tay trái, đứng trước khảo quan, đưa thẳng tay ra rồi dùng tay phải nắm lấy giây cung kéo hết sức rồi để ngay xuống. Y phải kéo như thế ba lần, sau đó báo danh tính, quì một chân trước khảo quan. Nếu ai có sức khỏe hơn người có thể xin kéo loại hiệu cung 13, 14 và 15 lực (76.7 kg – 88.5 kg) và nếu qua được sẽ được chấm điểm đặc biệt gọi là “*xuất hiệu cung*”.

Ngoài kéo cung, thí sinh cũng phải thi múa đao, múa sao cho trước ngực và sau lưng không còn thấy hình dáng, và nhấc một tảng đá lên cao khỏi mặt đất ít nhất một thước.¹² Trong ba môn này phải đạt được ít nhất là một hay hai môn mới được vào thi tam trường.

Tam trường (三場)

Tam trường là nội trường, đầu đời Thanh thi gồm hai bài sách, một bài luận, từ năm Khang Hi 48 (1709) qui định rằng đề thi lấy trong Luận Ngữ, Mạnh Tử, Tôn (Tử), Ngô (Tử), Tư Mã Pháp, tăng lên hai bài luận. Từ năm Gia Khánh 12 (1807), vì võ sinh thường quá kém cỏi về văn chương nên chỉ bắt chép thuộc lòng (mặc tả - 默寫) một đoạn võ kinh là đủ, chừng 100 chữ, trong ngày phải viết xong.

Theo lệ, trong mỗi kỳ thi tại địa phương (hương thí), số võ cử nhân lấy bằng một nửa số văn cử nhân. Sang đời Ung Chính, Càn Long, những tỉnh Thiểm Cam đông dân nên số hạn ngạch tăng hơn các nơi khác 20 người. Thi hội thi tùy từng năm, năm nào ít lấy 100 người, năm nhiều lên đến 300 người.

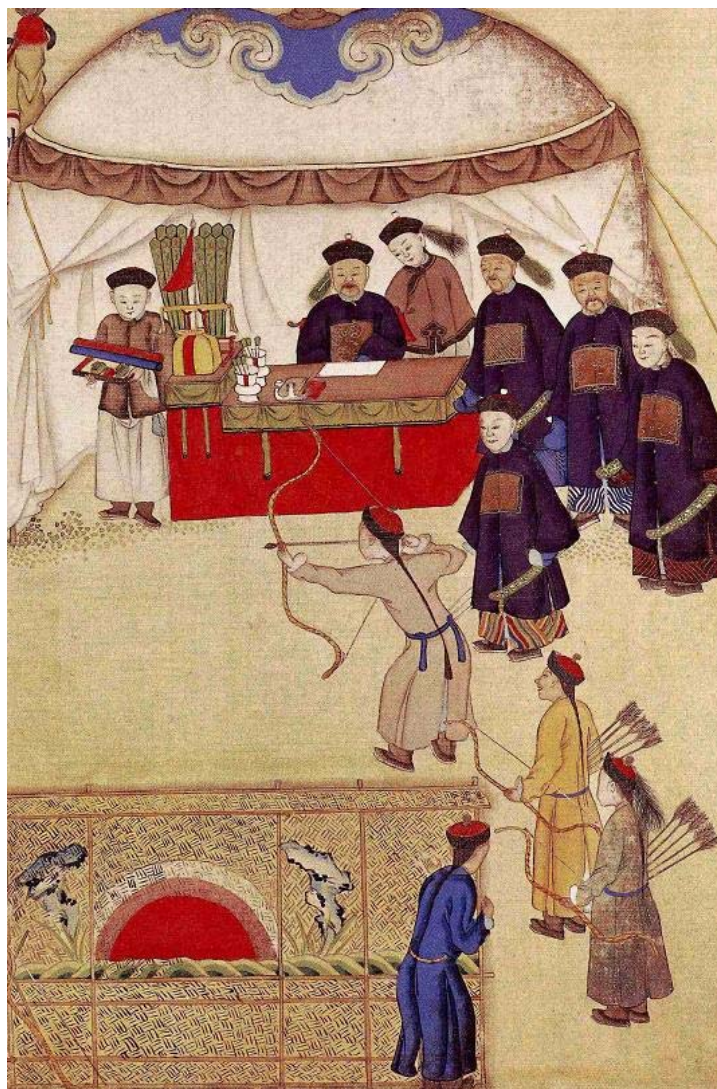
Thi bắn trong kỳ thi Tiến Sĩ

Cưỡi ngựa bắn cung trong kỳ thi hội chỉ khác thi hương một phần: đó là bắn cầu. Quả cầu to ước chừng bằng trái dưa, cao khoảng 60 cm, đường kính khoảng 30 cm, làm bằng da sơn đỏ bóng loáng, hình dáng trông tựa tựa như một cây giò lụa lớn. Chỉ có một trái cầu duy nhất trong mỗi kỳ được đặt trên một cái gò nhỏ ngay chính giữa xạ trường. Một mũi tên nặng 119 gram được dùng để đánh ngã trái cầu xuống, mũi tên đó dài 108 cm và chu vi là 4 cm, để nguyên màu gỗ nhưng phần đuôi sơn đỏ còn mũi thì làm bằng da thành một khối đường kính 6.5 cm và dài 4.5 cm.

Khi bắn ra, thí sinh phải làm sao bắn trúng trái cầu đã đành mà phải đủ mạnh để đẩy nó lăn ra khỏi cái gò. Tất cả các xạ thủ đều phải bắn vào trái cầu theo thứ tự khi trước, nhưng không bắn thẳng góc mà hơi xéo, trái cầu sẽ quay khi bắn trúng cạnh và chỉ đổ khi bắn trúng ngay chính giữa. Nếu trái cầu đổ thì trống sẽ gióng lên hay cờ sẽ phát. Kỵ sĩ sẽ xướng tên mình lên, chạy đến trình diện khảo quan, và quì gối thông báo tên họ.

Mỗi thí sinh bắn bảy mũi tên: sáu mũi bắn vào hồng tâm và một mũi tên bắn vào trái cầu. Trong sáu mũi tên bắn vào mục tiêu cốt sao ba mũi trúng hồng tâm là đủ điểm ngạch. Bắn trượt quả cầu không bị loại khỏi kỳ thi như bình thường nếu vẫn đủ tiêu chuẩn đòi hỏi. Những thí sinh nào đủ điểm sẽ được đóng dấu lên cánh tay để làm bằng.

Trong kỳ thi bắn, một võ quan có nhiệm vụ xem xét những cây cung do thí sinh mang theo. Tiêu chuẩn cho bia bắn là phải dài 1.92m, rộng 0.90m đặt cách xa 80 cung (mỗi cung là 5 thước Tàu, độ chừng 1.537m), khoảng 123m. Đến năm 1693 khoảng cách này giảm xuống chỉ còn 50 cung (77m) và năm 1760 chỉ còn 30 cung (46m).¹³



Quân Thanh thi bắn

Tranh lụa khoảng 1850

Treasures of China, tháng July, 1990

Buổi sáng ngày thi, vào giờ đã định, các thí sinh tề tựu tại sân thi. Lại một lần xướng danh và chia thành đội 10 người, các thí sinh trình cho lính thể sát coi dấu ở cánh tay. Lần này thi bắn trên bộ, cứ hai người bắn một lượt. Mỗi người cầm một cánh cung bằng tay trái, sáu mũi tên cài sau thắt lưng đến trình diện trước khảo quan sau đó chia ra đứng hai bên phía trước mặt, quay về hướng tây. Một con nghê bằng đá đánh dấu nơi họ đứng bắn. Thí sinh đứng thẳng người, tra một mũi tên vào cung, từ từ đưa tay lên, hơi xoạc chân ra rồi quay đầu về hướng nam nơi để bia, giương hết cỡ rồi buông tên, giữ bất động trong chốc lát rồi đứng thẳng trở lại. Mũi tên quá nhẹ và nếu trời có gió thì việc trúng đích rất khó khăn.

Nếu mũi tên trúng mục tiêu, một viên đề lại đứng gần tấm bia sẽ đánh dấu, tiếng trống nổi lên và một viên đề lại khác đứng cạnh khảo quan sẽ rút một cây thẻ trên giá để vào trong một cái thùng gỗ. Làm như thế sẽ dễ dàng theo dõi việc bắn trúng hay trật. Cả sáu mũi tên đều bắn theo cách này. Trước kia, mỗi cặp thí sinh cùng bắn một lượt, từng lần cho đến hết. Kể từ 1786, thể thức thay đổi, mỗi thí sinh bắn liên tiếp 6 mũi tên mà không phải chờ người kia. Trong 6 lần bắn, hai lần trúng đích là đủ điểm ngạch.

Tuy hai người bắn cặp nhưng điểm của họ tính riêng và người đề lại sẽ đếm số gậy trong thùng để xướng điểm cho từng người. Sau đó các thí sinh đến trình diện khảo quan, báo danh và quì xuống bái tạ.

Từ giữa thế kỷ 19, khi liệt cường bắt đầu nhòm ngó Trung Hoa, nhiều đề nghị cải cách đã được đưa ra và việc tập bắn cung chỉ còn là một trò tiêu khiển vì không còn hữu hiệu trong chiến trận như súng ống.¹⁴

Bổ nhiệm

Đầu đời Thanh, người nào đỗ nhất giáp tiến sĩ võ (trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa) được bổ nhiệm làm phó tướng, tham tướng, du kích, đô ti còn nhị giáp (hoàng giáp) và tam giáp (tiến sĩ thường) thì làm thủ bị hay thự thủ bị (tạm thời). Về sau trạng nguyên võ (nhất giáp tiến sĩ đệ nhất danh) được làm nhất đẳng thị vệ, nhị và tam danh (bảng nhãn, thám hoa) được bổ nhị đẳng thị vệ. Nhị và tam giáp tiến sĩ thì được tam đẳng thị vệ, lam linh (藍翎) thị vệ hay doanh, vệ thủ bị.

... ĐẾN NAM CHINH

Trong những biên khảo khác, chúng tôi đã đề cập đến hệ thống quân sự và hình thức điều động của quân Thanh. Thiên khảo cứu này chỉ đặc biệt nhấn mạnh vào thành phần chỉ huy, chủ yếu là những võ quan theo Tôn Sĩ Nghị qua ải Nam Quan tiến xuống Thăng Long mà hầu hết tử trận đầu xuân năm Kỷ Dậu. Tài liệu chính yếu rút ra từ Thanh Sử Cảo (phần liệt truyện) là bộ sử của nhà Thanh có tham khảo từ các liệt truyện, ngoại truyện khác. Đội quân viễn chinh sang đánh nước Nam bao gồm:

- Chỉ huy tối cao: Tôn Sĩ Nghị (孫士毅), tổng đốc Lương Quảng
- Yểm trợ: Phú Cương (富綱), tổng đốc Vân Quý
 - o Chỉ huy quân đội (cánh quân mặt đông): đề đốc Quảng Tây Hứa Thế Hanh (許世亨), có hai phụ tá
 - tổng binh¹⁵ Quảng Tây Thượng Duy Thăng (尚維昇), phó tướng (Tôn) Khánh Thành (慶成)
 - tổng binh Quảng Đông Trương Triều Long (張朝龍), phó tướng Lý Hóa Long (李化龍)
 - o Chỉ huy quân đội (cánh quân mặt tây): đề đốc Vân Nam Ô Đại Kinh (烏大經), có hai phụ tá
 - tổng binh Thọ Xuân Định Trụ (定柱)
 - tổng binh Khai Hóa Tôn Khởi Giao (孫起蛟)

Tôn Sĩ Nghị (孫士毅) (1720-1796), tự Trí Trị (智治), còn có tên là Bổ Sơn (補山), người Nhân Hoà, tỉnh Chiết Giang, khi còn trẻ rất dĩnh ngộ và ham học. Nhà nghèo, ông có chí ôm mộng công danh nhưng lận đận, thi cử hai mươi năm liền mà không qua được kỳ thi hương, mãi đến năm 1759 mới đỗ cử nhân, khi ấy đã 40 tuổi. Năm Càn Long thứ 26 (1761) ông đậu tiến sĩ, được vào danh sách chờ để bổ làm tri huyện. Thực tình mà nói, việc chờ đợi ấy cũng rất bấp bênh vì muốn được tuyển dụng cho nhanh chóng, nếu không có tiền bạc thì cũng phải thân thế mà cả hai điều kiện này họ Tôn đều không có.



Quân Thanh tập bắn trên đường ở Bắc Kinh

Tranh rút ra từ The Graphic Magazine năm 1878

Chinese Archery (phụ trương)

May sao, mùa xuân năm sau (1762) vua Cao Tông nam tuần (lần thứ ba ở vùng sông Dương Tử) nên đặc cách mở một khoa thi ngũ hầu có dịp trực tiếp tuyển dụng nhân tài. Tôn Sĩ Nghị ứng thí, đỗ đầu và được bổ nhiệm một chức trung thư Nội Các (Grand Secretariat) làm chương kinh trong Quân Cơ Xứ. Vận hạn của ông bắt đầu hanh thông nhưng khí muộn – vào tuổi 43, so với thời đại đó kể cũng đã gọi là già.

Khi đại học sĩ Phó Hằng (傅恆) (cha của ba đại thần danh tiếng Phúc Trường An, Phúc Linh An, Phúc Khang An) phụng mệnh đem quân đánh Miến Điện (1769), Tôn Sĩ Nghị được đi theo lo việc chương tấu, thư từ. Công việc đó ông đảm đương một cách xuất sắc nên chỉ một năm sau khi về triều ông được thăng lên lang trung bộ Hộ (department director in the Board of Revenue) rồi lên Đại Lý Tự thiếu khanh và đưa đi làm đốc học Quý Châu (1770-74) rồi bố chính Quảng Tây và tuần phủ Vân Nam (1775).

Khi tổng đốc Lý Thị Nghiêu (李侍堯) bị kết tội tham nhũng, Tôn Sĩ Nghị cũng bị cách chức vì không tố cáo (theo phương thức tường trình của nhà Thanh, tuần phủ tuy cấp dưới nhưng vẫn có quyền trực tiếp tâu lên vua về hành vi sai trái của tổng đốc mà không cần phải qua hệ thống hành chính) (xem *Quân Sự Nhà Thanh*, biên khảo của Nguyễn Duy Chính) và bị xung quân đày đi I Lê (Ili).

Tuy nhiên khi tra xét nhà riêng của ông thấy tài sản không có gì cả nên vua Càn Long thương tình, bãi bỏ quyết định đó và thuyên chuyển ông về triều làm Hàn Lâm Viện biên tu để trông coi việc biên tuyển bộ sách khổng lồ *Tứ Khố Toàn Thư* cùng với Kỷ Vân (紀昀) và Chu Quân (朱筠). Khi bộ sách hoàn tất, ông được thăng lên Thái Thường Tự thiếu khanh, về làm bố chính Sơn Đông (1782). Có tài liệu cho rằng từ khi về triều, ông bắt đầu ăn cánh với Hoà Khôn (Thân) nên hoạn lộ sau này hanh thông một cách khó hiểu.

Chẳng bao lâu, ông được làm tuần phủ Quảng Tây (1783) rồi đổi sang tuần phủ Quảng Đông (1784). Vừa nhậm chức, Tôn Sĩ Nghị tâu lên:

... Quảng Đông là nơi tiếp giáp với đại dương nên kẻ gian dễ trốn tránh. Thân nguyện hết sức giữ mình cho trong sạch, nghiêm sát quan lại, không dám dấu diếm, che đậy điều gì ...

Khi ấy Phúc Khang An đang là Thiểm Cam tổng đốc đưa ra kế sách luyện tập quân đội được triều đình đưa xuống cho các tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên, Lưỡng Quảng, Phúc Kiến thi hành. Tôn Sĩ Nghị dâng sớ xin cho tìm người tài giỏi, có kỹ thuật để tập luyện 28,532 quân thủy lục tỉnh Quảng Đông, 11,296 quân tỉnh Quảng Tây, đặt dưới quyền điều động của các quan lại địa phương, mở thêm những trung tâm huấn luyện và khảo thí. Kế sách đó được vua Càn Long chấp thuận giao việc tuyển mộ, đào tạo binh sĩ cho cấp phủ huyện và hạ dụ trong đó có câu:

... Việc này cứ từ từ mà làm ắt sẽ thành.

Dân đất Mân Quảng là vùng biển, tính tình ngang bướng, bạo tợn, nhiều người không chịu đóng thuế, quan lại có muốn đòi cũng không được, lắm kẻ phải bỏ tiền túi ra trả cho yên chuyện. Tôn Sĩ Nghị điều tra kỹ càng, bổ nhiệm những người có khả năng thu thuế tới các châu huyện, hạn cho dân chúng những ai còn thiếu thuế từ năm Càn Long 40 (1775) trở về sau đều phải truy thu. Những châu huyện trước đây đem tiền riêng ra đóng, nếu xét không phải là của hà lạm nếu đốc truy thì được thưởng số tiền đó. Triều đình nghe chuyện bèn hạ dụ rằng:

Các quan lại châu huyện đều là thành phần khoa bảng, vậy mà không biết làm việc để cho dân trốn thuế. Đem tiền riêng ra đóng không bắt tội vì đã lừa dối cấp trên thì đã là rộng lượng rồi, nếu lấy tiền truy thu ra thưởng thì lấy gì mà răn đe? Vậy nay ra lệnh đem những thuế thu được đó đem bỏ vào quỹ.

Đất Quảng có tên Giao Đường (菱塘) tụ tập bọn trộm cắp, chống lại việc bắt bớ, lại còn đánh cả quan quân. Tôn Sĩ Nghị cho người vây bắt được y, chém đầu, triều đình khen là có khả năng, ban cho hoa linh (mũ có gắn lông chim).

Năm 1786, hai người đầy tớ của Phú Lạc Hồn (富勒渾 – Furgun, tổng đốc Lưỡng Quảng) bị khám phá ra có lấy hàng nghìn lượng bạc một cách bất chính với sự dung túng của chủ nhân. Thanh triều nghe tin ra lệnh cho Tôn Sĩ Nghị điều tra. Phú Lạc Hồn cậy mình là cấp trên, lại người Mãn Châu, khiển trách Tôn nhưng ông không nao núng

vẫn tiếp tục công việc cho đến cùng. Vụ án đó đã đưa uy tín Tôn Sĩ Nghị lên cao và làm đẹp lòng vua Cao Tông nên ông được bổ nhiệm là tổng đốc Lương Quảng thay Phú Lạc Hôn.

Khi trước Phú Lạc Hôn nghị luận về chính sách đánh thuế muối ở Quảng Đông, xin tăng sưu các thuyền buôn, đặt lại hơn ba chục bến để chặn bắt. Tôn Sĩ Nghị bèn tâu lên việc đó như sau:

Tăng sưu vận chuyển chỉ làm gia tăng việc nhũng nhieu, chi bằng cứ theo cựu thức thì thuyền bè cũ mới gì cũng vui vẻ mà tuân theo.

Năm Càn Long thứ 51 (1786), có loạn Lâm Sảng Văn (林爽文) ở Đài Loan, Tôn Sĩ Nghị tuân lệnh ra quân phòng bị ở Triều Châu, đến khi ra quân (do Phúc Khang An làm nguyên soái), họ Tôn điều động quân trợ giúp, lương thực, khí giới triều đình cần đến đâu lập tức ứng biện ngay đến đó nên được thăng lên Thái Tử Thái Bảo, ban cho song nhãn linh (lông công hai mắt), tước Khinh Xa Đô Úy thế tập.

Đến năm 1788, sau khi Đài Loan đã bình định rồi, họ Tôn vì có nhiều công lao nên được vẽ hình trưng bày trong Tử Quang Các. Khi nước ta có biến loạn, Tôn Sĩ Nghị nhân danh giúp nhà Lê khôi phục ngai vàng, đem quân tiến sang Thăng Long nên được vua Càn Long thăng lên nhất đẳng Mưu Dũng Công, ban cho chỏm mũ hồng bảo thạch. Khi Nguyễn Huệ kéo quân ra, Tôn Sĩ Nghị đại bại đem tàn quân chạy về nên bị cách chức tổng đốc, thu hồi hồng bảo thạch và song nhãn hoa linh, cả tước Mưu Dũng Công. Phúc Khang An được điều động đến thay thế chức vụ tổng đốc Lương Quảng.

Tôn Sĩ Nghị được triệu về kinh giữ chức Binh Bộ thượng thư, sung vào làm Quân Cơ đại thần, thuộc Nam Thư Phòng. Mùa đông năm đó (1789) lại được bổ làm tổng đốc Tứ Xuyên. Chẳng bao lâu ông lại được thăng lên Lương Giang (Giang Nam và Giang Tây) tổng đốc thay thế Thư Lân (書麟) bị biếm vì tội ngụy tạo tài liệu.

Tôn Sĩ Nghị cho khơi sông Trang ở Vương Bình, Từ Châu, và tu bổ đê điều ở Mao Thành. Năm Càn Long 56 (1791), ông lại được triệu về kinh là Lại Bộ thượng thư, Hiệp Biện đại học sĩ.

Khi nhà Thanh sai Phúc Khang An đem quân đánh Gurkas (Khuếch Nhĩ Khách), Tôn Sĩ Nghị được bổ làm tổng đốc Tứ Xuyên (lần thứ hai) để lo việc tiếp vận binh lương. Chiến dịch này thành công một phần cũng là nhờ họ Tôn sang tận Lhasa để trông nom việc nên được phục hồi song nhãn hoa linh (lông công hai mắt) và lại được để hình trong Tử Quang Các.



Ba loại quân Thanh

1 Kỳ binh 2 Đao binh 3 Thổ binh

Late Imperial Chinese Armies 1520-1840 (phụ trương H, sau trang 24)

Năm Càn Long 57 (1792), ông được thăng lên Văn Uyên Các đại học sĩ, kiêm Lễ Bộ thượng thư. Cũng nên nói thêm là sau trận chiến ở Thăng Long, Tôn Sĩ Nghị như chim bị tên nên về sau ông rất sợ bị điều động đi những mặt trận lớn, nhất là phải giữ vai trò chỉ huy. Khi làm phụ tá cho Phúc Khang An và Hoà Lâm để bình định Khuếch Nhĩ Khách, ông tỏ ra rất miễn cưỡng nhưng khi vua Càn Long tuyên chuyển Phúc Khang An sang làm tổng đốc Vân Quý, chỉ còn một mình ông (đang làm tổng đốc Tứ Xuyên) đối phó với tình hình thì ông lại lo sợ, tâu lên xin để Phúc Khang An và Hoà Lâm ở lại nhưng không được chấp thuận.

Năm Càn Long 60 (1795), người Miêu ở miền Quý Châu và Hồ Nam nổi dậy, tấn công vào Tú Sơn tỉnh Tứ Xuyên, Tôn Sĩ Nghị đem quân chống giữ, ngăn được giặc. Năm Gia Khánh nguyên niên (1796), có loạn Bạch Liên Giáo ở Hồ Bắc, đánh vào Tây Dương của tỉnh Tứ Xuyên. Sĩ Nghị đem quân đánh vào Lai Phượng, thắng được vài trận nên được phong tam đẳng nam tước.

Quân giặc khi ấy đóng binh ở Trà Viên Khê, bị mưa dầm luôn mấy chục ngày liền, lương thực chuẩn bị không đủ. Họ Tôn nhân thế đang đêm, sai thiên tửng Trương Siêu (張超) cầm trường mâu đem đoàn binh đánh vào, chém được thủ lĩnh của họ, đuổi theo đến hơn 40 dặm. Quân giặc lui về giữ trại, Tôn Sĩ Nghị tiếp tục truy kích. Tháng 6 năm đó ông từ trần trong khi đang hành quân, được truy tặng tước công, đặt tên thụy là Văn Tĩnh, cháu là Tôn Quân được thế tập bá tước.

Tôn Sĩ Nghị là người thân cận với Hoà Thân (Khôn), khi bệnh đã nặng có dâng thư xin được gia nhập kỳ binh, vua Cao Tông có đặc biệt hứa cho nên ra lệnh cho Tôn Quân gia nhập Hán quân chính bạch kỳ, hàng Tán Trật đại thần.

Năm Gia Khánh 11 (1806), Tôn Quân dâng sớ lên trình bày vì mình bị phế tật, không có con, xin cho người em họ (con của chú) là Tôn Ngọc Tê (孫玉墀) được tập tước, vua Nhân Tông xuống dụ rằng:

Sĩ Nghị lấy được Lê thành rồi (nói về vụ đem quân sang Thăng Long), hoàng khảo (tức vua Cao Tông) ra lệnh ban sớ. Sĩ Nghị có ý tham công, trùng trình cho nên làm hỏng việc, thua trận chạy về. Lời tâu lên phần lớn chỉ là loè loẹt bề ngoài. Trẫm nghĩ đến di ý của hoàng khảo nên không truy cứu đấy thôi. Bây giờ Quân (Tôn Quân) người bị bệnh phế, tước bá mà Sĩ Nghị trước đây đã được phong nay cách đi, đồng thời ra lệnh cho Quân người ra khỏi kỳ binh, trở về nguyên tịch.

Về tư cách cá nhân, họ Tôn tương đối trong sạch không đến nỗi quá đáng như nhiều quan lại nhà Thanh thời đó. Có lẽ vì thế mà ông không bị trừng trị khi vua Gia Khánh nắm thực quyền (mặc dầu lúc này ông đã từ trần nhưng luật nhà Thanh vẫn có thể bị tước đoạt danh chức) loại trừ nhóm Hoà Thân (Khôn). Một điểm đáng để ý là trong dụ của vua Gia Khánh có nhấn mạnh đến việc “lời tâu của Tôn Sĩ Nghị phần nhiều chỉ là loè loẹt bề ngoài”, không đúng sự thật (sở tấu đa hữu hư sức - 所奏多有虛飾). Trong những thiên khảo luận trước, chúng tôi đã phân tích những sơ hở trong lời tâu của Tôn Sĩ Nghị về trận chiến Thăng Long và đúc kết một số bình luận để trình bày về những điều không đúng sự thật chép trong sử nhà Thanh.

Tôn Sĩ Nghị còn là một thư pháp gia tài hoa, thích sưu tầm đá lạ và để lại một tập thơ 12 quyển tên là *Bách Nhất Sơn Phòng Thi Tập* (百一山房詩集) do cháu ông in năm 1816. Có thể coi ông như một trong những người có đầu óc canh tân về tổ chức quản trị sớm sủa nhất của nhà Thanh. Tôn Sĩ Nghị giỏi về tính toán binh lương, nói theo ngôn ngữ đời nay là một cấp hành chánh có tài về quân tiếp vụ và tiếp vận nhưng không phải là một quân sự gia lỗi lạc. Ông có tài văn chương và cũng như nhiều nho sĩ khác, đã khéo léo dùng văn từ để tạo uy tín, che đậy những khuyết điểm và làm đẹp lòng vua Cao Tông nên những điều ông trình bày chưa hẳn đã hoàn toàn đúng. Đó cũng là một tiêu chuẩn để “làm quan” mà chúng ta thường gặp trong hoạn trường.

Hứa Thế Hanh (許世亨) (? – 1789) người Tân Đô, Tứ Xuyên gốc người Hồi. Ông nguyên là kỵ binh, đã từng theo quân đánh Kim Xuyên, Tây Tạng lập nhiều công lao.

Sau khi thi đỗ cử nhân võ, ông được thăng bả tổng rồi lên thủ bị. Khi đi đánh Kim Xuyên lần thứ hai, Hứa đi theo tổng đốc Tứ Xuyên A Nhĩ Thái (阿爾泰) tấn công vào sườn núi Ước Gia (約咱) rồi đánh qua Trát Khẩu (扎口), A Ngưỡng (阿仰), Cách Tạng (格藏), Đạt Ô (達烏) liên tiếp hạ được mấy trại của địch. Sau đó ông lại đem quân đánh vào triền núi Giáp Nhĩ Mộc (甲爾木) cùng Nhạc Lỗ (岳魯), Đăng Đạt (登達), phá được đồn lũy bằng gỗ đá, chiếm được sườn núi Đa Công (多功).



Bộ binh nhà Thanh

The Collision of two Civilisations, phụ trang 282-283

Hứa Thế Hanh lại đem quân tiến đánh trại Cổ Lỗ (古魯). Đêm xuống, quân địch đánh vào doanh trại, Thế Hanh cùng hơn một trăm quân hết sức chống giữ, cầm cự cho tới khi trời sáng, địch rút đi rồi, ông liền vượt tường đuổi theo, giết được vô số, chiếm được Cổ Lỗ. Triều đình nghe tin thắng trận ban cho ông mũ gắn lông chim, tước hiệu Kính Dũng Ba Đồ Lỗ (勁勇巴圖魯). Ông dần dần lập nhiều công lao, được thăng lên tham tướng. Những chiến công chính của Hứa Thế Hanh có thể kể như sau:

- Theo tham tán đại thần, phó đô thống Minh Lượng (明亮) tấn công vào núi Dương Cát Nhĩ Lạp (當噶爾拉), phá được trại thứ năm.
- Theo tham tán đại thần Phú Đức (富德) tiến binh từ Mặc Lũng Câu (墨壟溝), chiếm được các trại Khắc Giáp Nhĩ Mộc (克甲爾木), Nhật Xích Nhĩ Đan Tư (日赤爾丹思), Tăng Cách Tông (僧格宗).
- Theo Định Biên tướng quân Minh Lượng (明亮) từ Để Vương (底旺) đến Mã Nại (馬奈), phá được các trại Lạp Khoả (拉窠), Nhung Bố (絨布), Căn Trát Cát Mộc (根扎葛木), Tạt Tạt Giác (卡卡角), Tư Để (思底), Khách Cha Phổ (喀咱普).
- Theo Minh Lượng từ Nghi Hỉ (宜喜) đánh vào sườn núi Đạt Nhĩ Đồ (達爾圖), bắt được đầu lĩnh của địch là Đan Ba A Thái (丹巴阿太), lấy được các đồn Nga Pha (俄坡), Mộc Khắc Thập (木克什), Cách Mộc Chức (格木勺).
- Theo Lãnh Đội đại thần Khuê Lâm (奎林) đánh vào tây nam sơn trại ở Mộc Khắc Thập (木克什).
- Theo phó đô thống Tam Bảo (三寶) tấn công Tây Quách Lạc (西郭洛), trấn giữ sống núi Đắc Nhĩ Ba Khắc (得爾巴克).
- Theo Minh Lượng đánh núi Đắc Lăng (得楞), phá được mấy đồn, tấn công vào các núi Cơ Mộc (基木), Tư Đan Dương Cát (思丹當噶) và Tát Cốc (薩谷), bắt được rất nhiều quân địch.
- Phá được đồn Ngạch Nhĩ Thế (額爾替), giết được hơn 40 tên địch. Trong cả bảy trận đánh, trận nào Hứa Thế Hanh cũng thắng.
- Đem quân đánh Trát Ô Cổ (扎烏古), quân địch trấn giữ trên đỉnh núi, xây lũy liên nhau để phòng ngự. Hứa Thế Hanh liều chết xua binh tiến lên, đem theo súng bắn đá phá được mấy đồn, chiếm được núi Niễn Chiêm (碾占) cùng các trại A Nhĩ Cổ (阿爾古) và Bình Bá (平壩).
- Chiếm được hang Đạt Tán (達撒), huỷ trại địch, sau đó chiếm Độc Cổ Mộc (獨古木), tiến chiếm Bố Cát Lỗ Đạt Na (布吉魯達那).
- Chiếm Giáp Tạt (甲雜) và ải Độc Tùng (獨松), chiếm các đồn lớn nhỏ mấy chục nơi, bắt được đầu đảng của địch là Ung Trung Vương Nhĩ Kết (雍中旺爾結). Đi vòng sang phía tây đến Cát Lạp Y (噶拉依) thì gặp quân phía nam từ Mã Nhĩ Bang (馬爾邦) đi lên.

Năm Càn Long 41 (1776), sau khi bình định Kim Xuyên, Hứa Thế Hanh được thăng lên tổng binh trấn Đàng Việt (騰越), tỉnh Vân Nam.

Năm Càn Long 49 (1784), người Hồi nổi loạn ở Cam Túc, Hứa Thế Hanh phụng mệnh đem binh đến An Định, đánh bắt được hơn hai trăm người. Sau chiến công đó, ông được bổ nhiệm làm tổng binh Uy Ninh, tỉnh Quý Châu.

Năm Càn Long 52 (1787), Lâm Sảng Văn (林爽文) nổi lên ở Đài Loan, Hứa Thế Hanh chỉ huy hơn 2000 quân đi theo chiến dịch, phá được Tập Tập Bảo (集集堡), bắt và giết được một số đông quân địch, lấy được ấn và khí giới cùng các loại cờ quạt của họ. Hứa Thế Hanh lại đem quân đuổi theo tới tận Lão Cù Trĩ (老衢峙), bắt được Lâm Sảng Văn (林爽文) và đầu mục Hà Hữu Chí (何有志).

Sau đó, Hứa Thế Hanh theo tham támm Thành Đô tướng quân Ngạc Huy (鄂輝) từ Đại Võ Lũng (大武隴) tấn công vào mặt nam Thủy Để Liêu (水底藪) giết được một đầu mục. Đến khi Trang Đại Điền (莊大田) thua trận chạy về Lang Kiệu (瑯嶠), quân đến vài nghìn người, Hứa Thế Hanh dẫn quân hợp hai mặt thủy lục tấn công, bắt được Trang Đại Điền và các cấp chỉ huy của địch.

Công trạng của họ Hứa quá lớn nên sau khi bình định Đài Loan, triều đình đổi danh hiệu thành Kiên Dũng Ba Đồ Lỗ, vẽ hình treo trong Tử Quang Các, tên ông đứng trước hai mươi công thần.

Tháng 2 năm Càn Long thứ 53 (1788), Hứa Thế Hanh được phong làm đề đốc Chiết Giang nhưng chưa đảo nhậm thì được điều động làm đề đốc Quảng Tây. Khi theo Tôn Sĩ Nghị đem quân sang Thăng Long, Hứa Thế Hanh là võ quan cao cấp nhất, lập một số công lao nên được thăng lên Nhất Đẳng Tử. Khi Nguyễn Huệ kéo quân ra, Tôn Sĩ Nghị bỏ chạy, Hứa Thế Hanh tử trận.

Cái chết của họ Hứa được Thanh sử chép như sau:

Nguyễn Huệ có một phần đất gọi là Quảng Nam, cách Lê thành hơn hai nghìn dặm. Khi bàn về việc tiến đánh, (Tôn Sĩ Nghị) xin thêm binh và trù biện lương hướng. Triều đình hạ dụ yêu cầu bãi binh, Thế Hanh cũng nói với Sĩ Nghị rằng: “Quân ta thâm nhập trọng địa, Huệ chưa đánh đã vội vàng rút lui, e rằng có điều không lường được. Chi bằng gấp rút chấn chỉnh binh đội quay trở về, ấy là thượng kế”.

Sĩ Nghị không nghe. Ngày mồng một tháng giêng (Mậu Ngọ), Sĩ Nghị gọi các tướng lại mở tiệc ăn uống. Ngày mồng hai (Kỷ Mùi), Duy Kỳ báo rằng Nguyễn Huệ kéo binh đến, Sĩ Nghị hoảng hốt vượt vòng vây chạy thoát, qua sông Phú Lương, cầu phao gãy, Thế Hanh và Duy Thăng, Triều Long chỉ huy mấy trăm quân chiến đấu ở phía nam cầu, đều tử trận.

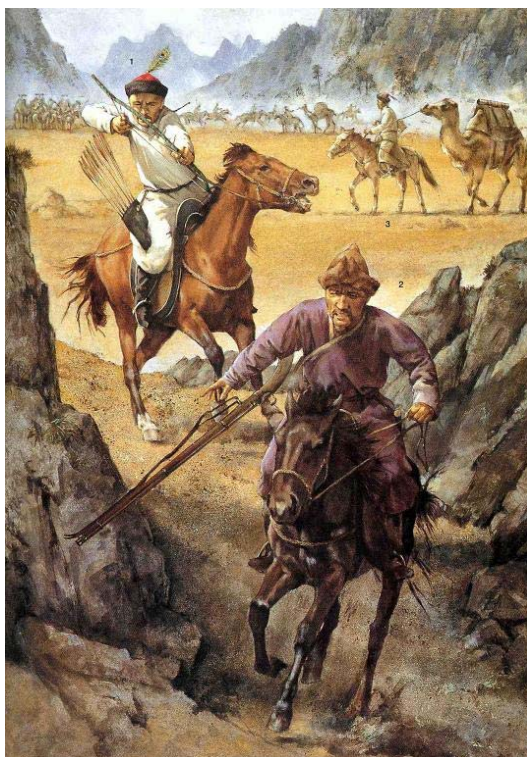
Sĩ Nghị lúc đầu tâu lên rằng: “... Huệ kéo binh đến, thân cùng Thế Hanh đốc binh quyết chiến; bên địch đông vây chặt, thân và Thế Hanh không thấy được nhau, nên phải vượt trùng vi mà chạy ra.”

Hoàng thượng mong Thế Hanh có thể an toàn trở về, khi nghe tin tử trận, hết sức thương xót. Phó tướng Khánh Thành từ trong quân chạy về được, khi gặp vua

Càn Long đã tâu rằng: “ Khi Nguyễn Huệ đem binh tới đánh Lê thành, Sĩ Nghị và Thế Hanh cùng lui về bên kia sông Phú Lương cự địch. Sĩ Nghị muốn qua sông để đánh với Huệ, biết là bất lợi nhưng mong sao thân tuấn quốc. Thế Hanh hết sức can ngăn, nói rằng bậc đại thần phải lấy quốc gia làm trọng, không nên tiến vào một cách khinh suất, sai Khánh Thành bảo vệ Sĩ Nghị đem quân về. Lại sai thiên tửng Tiết Trung (薛忠) đổi ngựa cho Sĩ Nghị để lui binh. Sau đó Thế Hanh dẫn các tướng qua sông xông vào trận, hết sức chiến đấu cho đến chết”.¹⁶ (Thanh Sử Cảo, quyển 334, liệt truyện 121).

Vua Càn Long thương Hứa Thế Hanh vì đại thể mà tử trận, thăng ông lên tam đẳng Tráng Liệt Bá (壯烈伯), đưa vào thờ trong Chiêu Trung Từ, đặt tên thụy là Chiêu Nghị (昭毅). Khi nhà Tây Sơn vì chính sách ngoại giao lập đền thờ cho quân Thanh bị chết trong trận chiến, tên Hứa Thế Hanh đứng đầu.

Thượng Duy Thăng (尚維昇) thuộc Nhượng Lam Kỳ Hán quân, là cháu bốn đời của Bình Nam Vương Thượng Khả Hỉ (尚可喜), một trong Tam Phiên đầu đời Thanh¹⁷. Vì là con quan nên ông được tập ấm làm Loan Nghi Vệ Chính Nghi Úy (鑾儀衛整儀尉), đổi năm chức vụ khác nhau, sau cùng làm tổng binh Hữu Giang Trấn, Quảng Tây. Năm Càn Long 53 (1788), Thượng Duy Thăng theo Tôn Sĩ Nghị đem quân sang nước ta.



Kỳ binh nhà Thanh truy kích quân Hồi

(quân Thanh dùng cung tên nhưng vẫn có ưu thế hơn quân Hồi được trang bị súng)

Late Imperial Chinese Armies 1520-1840 (phụ trương E, sau trang 24)

Ngày Tân Mùi tháng 11, họ Thượng cùng phó tướng Khánh Thành đem hơn 1000 quân tới sông Thọ Xương. Quân Tây Sơn đóng ở bờ sông phía nam, thấy quân Thanh kéo đến bèn chặt đứt cầu phao. Thượng Duy Thăng sai quân chặt tre gỗ làm bè, nhân lúc sương mù dày đặc lén vượt qua, quân ta không nhìn rõ nên phải rút lui. Quân Thanh thừa thế, lại tiến lên đến sông Thị Cầu. Sau chiến thắng nhỏ nhoi này, Thượng Duy Thăng được ban cho mũ lông công (khổng tước linh - 孔雀翎). Khi vua Quang Trung kéo đại binh ra Bắc, quân Thanh đại bại, Thượng Duy Thăng tử trận, được ban thụy là Trực Liệt (直烈) và được phong làm tam đẳng Khinh Xa Đô Úy.

Trương Triều Long (張朝龍) người Đại Đồng, tỉnh Sơn Tây nhưng sang sống ở Quý Châu. Ông vốn là mã binh, tham dự chiến dịch đánh Miến Điện, trúng đạn bị thương ở trán, phía bên trái.

Khi tham dự đánh Kim Xuyên, Trương Triều Long chỉ huy tấn công A Khách Nhĩ Bố Lý (阿喀爾布里), Bố Lãng Quách Tông (布朗郭宗). Sau đó họ Trương theo tham tấn đại thần Hải Lan Sát (海蘭察) từ Đại Bản Chiêu (大板昭) tiến đánh Lạt Mục Lạt Mục (喇穆喇穆), Sắc Bằng Phổ (色淩普), lần nào cũng xông lên trước.

Trong lần đánh ở Tốn Khắc Nhĩ Tông (遜克爾宗), Trương bị trúng đạn, còn trong những trận Khang Tát Nhĩ Sơn (康薩爾山), Lặc Cát Nhĩ Bác (勒吉爾博), Đạt Giai Bố Um Cát (達佳布俺吉) đều lập được công lao.

Tấn công chiếm được Lặc Ô Vi (勒烏圍), được ban lam linh (mũ lông chim màu xanh).

Tấn công Tây Lý (西里), A Nương Khúc (阿穰曲), phá được hơn một chục thành lũy bằng gỗ của địch.

Tấn công và phá được các đồn lũy ở Nhã Mã Bằng (雅瑪朋), Cách Long Cát (格隆吉), Sách Long Cổ (索隆古).

Sau khi bình được Kim Xuyên, triều đình xét công lao, ông được thưởng mũ có gắn lông công và được cử đi giữ chức tham tướng ở phủ Quảng Đông.

Năm Càn Long thứ 52 (1787), khi có loạn Lâm Sảng Văn ở Đài Loan, Trương Triều Long đem quân từ Quảng Đông tham gia chiến dịch, được phong danh hiệu Thành Dũng Ba Đồ Lỗ (誠勇巴圖魯). Khi tấn công Đại Lý Dặc (大里杙), ông trúng đạn bị thương ở vai bên phải rồi lại đem binh hợp công Trang Đại Điền (莊大田) ở Lang Kiệu (瑯嶠).

Sau khi bình định Đài Loan, ông được vẽ hình treo trong Tử Quang Các, xếp hàng sau ba mươi công thần và được thăng lên làm tổng binh Nam Áo (南澳), tỉnh Phúc Kiến.



Miêu binh vùng Quý Châu (hiện nay)

Người Miêu sống trong rừng sâu núi thẳm, sinh hoạt gần như không thay đổi trong mấy trăm năm qua. Súng của họ còn dùng cũng giống như 200 năm trước. Quân Miêu rất bạo tợn và hiếu chiến, không bộ lạc nào dám gây hấn với họ. Toán quân của Sâm Nghi Đống có lẽ cũng như thế này.

Kinh Điển tạp chí, tháng 4-2002 tr. 104-5

Năm Càn Long thứ 53 (1788), Trương Triều Long theo Tôn Sĩ Nghị sang đánh nước ta, lập được một số công lao ở Trụ Hữu (柱右). Trong trận Thị Cầu, nhờ có ý kiến của một số di thần nhà Lê, Trương Triều Long lên sang sông đánh tập hậu vào quân ta nên nội hầu Phan Văn Lân phải rút lui.

Khi Tôn Sĩ Nghị thua chạy, Trương Triều Long không theo kịp, tử trận được ban tên thụy là Tráng Quả (壯果) và được thăng lên tam đẳng Khinh Xa Đô Úy.

Khánh Thành (Tôn) (孫慶成) là chất¹⁸ của Chấn Võ tướng quân Tôn Tư Khắc¹⁹, một danh tướng đầu đời Thanh, là cháu của đô thống (Tôn) Ngũ Phúc, thuộc Chính Bạch Kỳ Hán Quân, lúc đầu làm Man Nghi Vệ Chính Nghi Úy, sau lên đốc tiêu phó tướng tỉnh Quảng Tây.

Khi sang đánh nước ta, họ Tôn được ban mũ hoa linh và tước hiệu Tích Lang A Ba Đồ Lỗ (錫郎阿巴圖魯). Trong trận Kỷ Dậu, Khánh Thành là võ tướng duy nhất đi theo bảo vệ Tôn Sĩ Nghị nên thoát chết chạy về được. Tuy thua trận nhưng có công bảo vệ tổng đốc (và khéo che đậy tội tham sống sợ chết của hai thầy trò), họ Tôn được thăng lên chức phó đô thống rồi lên Hộ Bộ thị lang, ngự tiền thị vệ, chính hồng kỳ hộ quân thống lĩnh. Năm Càn Long 57 (1792), lên làm đề đốc Cổ Bắc Khẩu. Về sau vì lập nhiều chiến công khác, lên đến tổng quản Vi Trường, tổng binh Mã Lan Trấn, đề đốc

Hồ Bắc, tướng quân Phúc Châu. Khi chết năm Gia Khánh 17 (1812) Tôn Khánh Thành được ban thụy hiệu Tương Khác (襄恪).

Lý Hoá Long (李化龍), người đất Tê Đông, tỉnh Sơn Đông. Ông đỗ tiến sĩ võ khoa nên được bổ làm lam linh thị vệ (thị vệ có đội mũ lông chim xanh), làm đô ti Đồng Nhân Hiệp (銅仁協), tỉnh Quý Châu. Ông theo đại học sĩ Phó Hằng qua đánh Miến Điện, đóng quân ở Lão Quan Đôn (老官屯), dùng đại pháo giết địch.

Năm Càn Long thứ 37 (1772), Lý theo Ôn Phúc (溫福) đánh Kim Xuyên, chiếm được các trại Cố Bốc Tế (固卜濟), Mã Nhĩ Địch Khắc (瑪爾迪克). Sau đó trong các trận đánh Lộ Đỉnh Tông (路頂宗), Minh Quách Tông (明郭宗) Lý Hoá Long lần nào cũng lập nhiều công lao. Tháng 3 năm Càn Long thứ 38 (1773), Lý Hoá Long chỉ huy pháo binh quân Thanh đánh Tích Lãnh (昔嶺).

Trong chiến dịch bình Tiểu Kim Xuyên, Lý Hoá Long chỉ huy đánh A Cát Nhĩ Bố Lý (阿噶爾 布里), Biệt Tư Mãn (別斯滿).

Theo đô thống Hải Lan Sát đánh lên sống núi Đâu Ô (兜烏), liên tiếp chiếm được các trại Lộ Đỉnh Tông, Minh Quách Tông, lấy được Mỹ Nặc (美諾).

Trong chiến dịch đánh Đại Kim Xuyên, theo Hải Lan Sát đánh Lạt Mục Lạt Mục, bị thương vì súng bắn đá nên được ban cho áo giáp bằng bông. Trước sau tiến đánh chiếm được Tốn Khắc Nhĩ Tông, Cách Lỗ Cổ (格魯古), Quần Ni (群尼), Mộc Tư Công Cát Khắc (木思工噶克), trúng đạn bị thương nên được ban cho mũ lông công.

Sau khi bình Kim Xuyên, họ Lý được thăng lên tả dực tổng binh tỉnh Quảng Đông.

Trong kỳ đánh Đài Loan, Lý Hoá Long chỉ huy binh Quảng Đông tới cửa biển Lộc Tử (鹿仔), theo lệnh tổng binh Phổ Cát Bảo (普吉保) đóng quân lại đây. Lâm Sảng Văn tấn công Chư La (諸羅) rất gấp, Lý Hoá Long bí mật sai du kích Mục Đằng Ngạch (穆騰額) dẫn binh từ rạch Phan Tử (番仔) sang khe Đại Đổ (大肚) làm nghi binh, còn mình đích thân dẫn binh lên qua Bù Khởi Ngao (裴起鰲) từ núi Bát Quái đánh xuống, bị địch vây chặt, họ Lý hết sức chiến đấu, địch phải bỏ chạy.

Sang năm Càn Long 53 (1788), Lý Hoá Long được điều động sang đánh nước ta, phụ tá cho Trương Triều Long lập nhiều công lao trên đường tiến quân vào thành Thăng Long. Khi Tôn Sĩ Nghị bỏ chạy, Lý Hoá Long lật đật chạy theo, ngờ đâu vừa đến giữa cầu thì bờ bên kia, cầu phao đã bị Khánh Thành chặt đứt, cả người lẫn ngựa rơi xuống sông Nhĩ Hà, chết đuối. Khi cứu xét công trạng, Lý Hoá Long được phong làm Kỵ Đô Úy.

Hình Đôn Hành (邢敦行), người An Châu, tỉnh Trực Lệ, đỗ đầu kỳ thi tiến sĩ (nhất giáp nhất danh võ tiến sĩ) năm Càn Long thứ 43 (1778) tức là võ trạng nguyên. Trong kỳ thi này, thí sinh tổng cộng 48 người, khi vào điện thí tại điện Thái Hoà, đích thân vua Càn Long chấm thi để chọn người, Hình Đôn Hành đỗ đầu, kế đến là Phàn Hùng Sở (樊雄楚), rồi đến Đổng Kim Phong (董金風). Họ Hình khởi đầu sự nghiệp với chức

vụ đầu đẳng thị vệ, dần dần được thăng lên phó tướng Tam Giang Khẩu Hiệp (三江口協) tỉnh Quảng Đông.

Hình Đôn Hành thờ mẹ rất có hiếu, trước khi xuất chiến, biết mình không thể thoát chết nên cởi áo ngoài giao lại cho gia nhân đem về nước giao lại cho thân mẫu để báo tin. Sau khi tử trận trong trận đánh ở Thăng Long, họ Hình được thăng hàm tổng binh, ban tước hiệu Ky Đô Uý.

Sâm Nghi Đống (岑宜棟) Họ Sâm là một thổ quan, được cai trị một vùng theo chính sách dùng người địa phương cai trị người địa phương, khống chế lẫn nhau. Thổ quan bao gồm thổ phủ, thổ sảnh, thổ châu, thổ huyện. Điền Châu²⁰ là một châu, chức vụ của họ Sâm là thổ tri châu không phải (thổ) tri phủ như sử nước ta thường chép. Theo Thanh Sử Cảo quyển 117, con cháu của Sâm Đình Đạc (岑廷鐸) thừa kế chức tri châu Điền Châu, dưới tay có một lượng thổ binh là 400 người (TSC 134).

Theo Cam Nhữ Lai (甘汝來) trong *Cam Trang Khác Công toàn tập* (甘庄恪公全集), quyển 8 thì “*thổ binh giỏi nghề leo trèo, chạy trên núi như trên đất bằng, coi vách cao như đường phẳng ... Thổ binh các châu Tư Minh, Điền Châu, Giang Châu, Thái Bình, An Châu đều dũng kiện mà Điền Châu là hơn cả ... cách chỉ huy lại đúng phép, rất có kỷ luật, dùng rất được việc ...*”.²¹ Chính vì thế, Thanh triều thường dùng thổ binh để đi chinh phạt các nước chung quanh, một công đôi việc, vừa thực hiện âm mưu “*cải thổ qui nguyên*”, vừa đỡ tốn kém.

Khi Tôn Sĩ Nghị đem quân sang nước ta, họ Tôn có điều động quân Điền Châu của Sâm Nghi Đống (rất có thể cả những thổ binh các châu khác vì tổng số thổ binh tỉnh Quảng Tây có đến mấy chục châu và quân số lên đến hàng vạn người). Sâm Nghi Đống chiến đấu rất anh dũng và cùng toàn bộ quân sĩ dưới quyền đều bỏ mạng.

Con thứ của Sâm Nghi Đống là Sâm Dục kế nghiệp. Tri châu vốn chỉ hàng ngũ phẩm nhưng vì tử trận nên Sâm Nghi Đống được ưu đãi, hưởng tử tuất theo hàng tứ phẩm.

Ô Đại Kinh (烏大經) Người Trường An, đậu tiến sĩ võ đời Càn Long, làm tham tướng Đức Châu. Khi Vương Luân nổi loạn ở Thọ Trường, ông đem quân đánh dẹp, thăng lên đề đốc Vân Nam và ở đây cho tới chết.

Định Trụ (定柱) Thuộc Nương Hoàng Kỳ Mãn Châu, từng tham gia các cuộc chiến đánh Miến Điện, Kim Xuyên, thăng lên tổng binh Thọ Xuân. Đến đời Gia Khánh có công trong việc đánh dẹp các giáo phái tại Hà Nam, Thiểm Tây. Sau lên làm đề đốc Ô Lỗ Mộc Tề (烏魯木齊)

Tôn Khởi Giao (孫起蛟) người Võ Thành, có chiến công nên được làm ngoại uý đời Càn Long, tham dự đánh Kim Xuyên, sau lên làm đề đốc Quảng Đông

THIỆT HẠI CỦA QUÂN THANH

Cho đến nay, việc tính toán thiệt hại của quân Thanh vẫn còn nhiều tranh luận. Về thiệt hại của quân Nam thì lại càng mơ hồ hơn. Ngày mồng 9 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789), Tôn Sĩ Nghị chạy được về đến Lạng Sơn. Suốt trên đường chạy từ Thăng Long về đến biên giới, quân Thanh bị phục kích và tấn công liên tiếp nên số còn sống sót chẳng bao nhiêu, Tôn Sĩ Nghị không dám đóng quân lại nên vội vàng qua Trấn Nam Quan trở về Quảng Tây. Suốt trong một tháng sau đó, quân Thanh thoát chết chạy được về theo sử nhà Thanh vào khoảng 8000 người, còn số tử trận và mất tích khoảng hơn 5000 người nữa²². Tuy nhiên thực tế con số này có thể cao hơn nhiều vì đây là lời tâu của Tôn Sĩ Nghị nên có khuynh hướng che dấu tổn thất để chiến bại của ông ta bớt nghiêm trọng.

Theo tài liệu chính thức, đạo quân mặt đông do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy gần như thiệt hại toàn bộ trong đó đề đốc Hứa Thế Hanh (許世亨), tổng binh Thượng Duy Thăng (尚維昇), tổng binh Trương Triều Long (張朝龍), phó tướng Hình Đôn Hành (邢敦行), tham tướng Dương Hưng Long (楊興龍), tham tướng Vương Tuyên (王宣), tham tướng Anh Lâm (英林), du kích Minh Trụ (明柱), du kích Trương Thuần (張純), du kích Vương Đán (王檀), du kích Lưu Việt (劉越), đô ti Đặng Vĩnh Lượng (鄧永亮), thủ bị Lê Chí Minh (黎致明) đều tử trận.²³

Còn đạo quân Vân Nam, quân Thanh bố trí từ biên giới đến Thăng Long hơn 30 trạm, vì không đụng độ với quân ta nên ngày mồng 9 tháng giêng năm Kỷ Dậu, Ô Đại Kinh rút lui về được đến Tuyên Quang, sau đó theo cửa quan triệt hồi không bị thiệt hại gì cả.

Tuần phủ Quảng Tây là Tôn Vĩnh Thanh sau khi nghe tin báo đại binh đã thất trận liền sai tham tướng Vương Lập Công (王立功) đem 300 quân chạy xuống Lạng Sơn tiếp cứu những người chạy về, rồi trong hai ngày 10, 11 tháng giêng chuyên chở số binh lương, thuốc súng còn để tại Lạng Sơn về nước. Tuy nhiên, các đài trạm dọc theo đường từ Lạng Sơn đến Thăng Long quân Thanh không di tản được nên phần thì thiêu huỷ, phần bị quân ta lấy mất. Hai viên quan phụ trách đài trạm là tri huyện Lăng Vân (凌雲) Viên Thiên Quì (袁天達) và kinh lịch Trương Thành (張誠) đều tử trận.²⁴

Gia đình những người tử trận đều được hưởng tiền tử tuất tính bằng ngân lượng như sau: đề đốc (800), tổng binh (700), phó tướng (600), tham tướng (500), du kích (400), đô ti (350), thủ bị (300), thủ ngự sở thiên tổng (250), vệ thiên tổng (200), doanh thiên tổng (150), bả tổng, ngoại uỷ (100), mã binh (70), bộ binh (50), hương dũng, thổ binh (25).²⁵

Theo con số thu thập của Lai Phúc Thuận, tổng số chi phí mà triều đình nhà Thanh đã tiêu vào cuộc chiến ở Việt Nam là 1,346,508 lượng bạc bao gồm tỉnh Quảng Tây chi ra

1,057,322 lượng và tỉnh Vân Nam chi ra 289,186 lượng.²⁶ Trong những chiến dịch lớn mà vua Cao Tông tự hào, chiến dịch này là chiến dịch ít tốn phí nhất.

Còn về số thương vong của Trung Hoa, sách vở Việt Nam mỗi chỗ một khác nhưng phần lớn không có cơ sở chắc chắn, dựa theo cảm tính và ước đoán hơn là do tài liệu. Hoàng Lê Nhất Thống Chí, một cuốn tiểu thuyết chương hồi đưa ra một con số khổng lồ mà các nhà nghiên cứu khai thác nhiều hơn cả. Đọc lại một số chi tiết, chúng ta có thể tin chắc rằng những dữ kiện nêu ra trong sách này ít nhiều hư cấu:²⁷

... Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, dày xéo lên nhau mà chết. Tên Thái Thú Điền Châu là Sâm Nghi Đổng tự thắt cổ chết. Quân Tây Sơn thừa cơ chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại. (tr. 377-8)

... Chợt lại thấy quân voi từ Đại Áng tới, quân Thanh đều hết hồn hết vía, vội trốn xuống đầm Mực, làng Quỳnh Đô, quân Tây Sơn lừa voi giày đạp, chết đến hàng vạn người. (tr. 378)

... Quân sĩ các doanh nghe tin, đều hoảng hồn, xô đẩy nhau rơi xuống mà chết rất nhiều. Lát sau cầu lại bị đứt, quân lính đều rơi xuống nước, đến nổi sông Nhĩ Hà vì thế mà tắc nghẽn không chảy được nữa (tr. 379)

Cũng theo sách này, trong cước chú trang 378 có viết thêm là “*Theo Bang Giao Lục, trong chiến dịch mùa xuân Kỷ Dậu, số quân Thanh bị chết là 27 vạn*”. Những con số đó được lập đi lập lại trong nhiều sách vở và biên khảo. Hoa Bằng gần như chép lại toàn bộ những mô tả của Hoàng Lê Nhất Thống Chí trong phần Trận Đống Đa (*Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc 1788-1792*, trang 195-7), Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng cũng tương tự (*Tìm Hiểu Thiên Tài Quân Sự của Nguyễn Huệ*, nxb QDND, 1971, tr. 235-44), Phan Huy Lê trưng dẫn hồi ký của De la Bissachère (*Etat actuel du Tonquin, de la Cochinchine et des autres royaumes de Cambodge, Laos et Lac Tho par M. de la Bissachère*, Paris 1872, tr. 169-170) thì số quân Thanh chết là 20,000 người.

Nhiều tài liệu khác không nêu những con số cụ thể, chỉ căn cứ vào những lời mơ hồ chẳng hạn như cho rằng quân Thanh trở về được chưa đầy một nửa để làm một con tính chia theo tỉ lệ giữa số quân đem sang và số quân tử trận, con số quân Thanh đã võ đoán, con số thiệt hại lại đưa vào đây thành thử không có gì đáng tin cậy.

Theo *Thanh Cao Tông thực lục* thì trong bản văn tể “*Xuất Sư An Nam Trận Vong Tướng Sĩ*” (出師安南陣亡將士), liệt kê rõ như sau:

Nguyên văn

乾隆五十五年十二月，是年，追予出師安南陣亡游擊蕭應得一員，都司虛文魁等六員，守備馮天輿等九員，千總楊赴龍等十四員，把總李世俊等十員，外委謝廷超等九十一員，額外外委關秀芳等十四員，漢士馬步兵丁李上通等六千八百七十六名，祭葬恤賞如例，俱入祀昭忠祠。

Dịch âm

Càn Long ngũ thập ngũ niên thập nhị nguyệt, thị niên, truy dư xuất sư An Nam trận vong: du kích Tiêu Ứng Đắc nhất viên, đô ti Hư Văn Khôi đẳng lục viên, thủ bị Phùng Thiên Dư đẳng cửu viên, thiên tổng Dương Phó Long đẳng thập tứ viên, bả tổng Lý Thế Tuấn đẳng thập viên, ngoại uỷ Tạ Đình Siêu đẳng cửu thập nhất viên, ngạch ngoại ngoại uỷ Quan Tú Phương đẳng thập tứ viên, Hán sĩ mã bộ binh đình Lý Thượng Thông đẳng lục thiên bát bách thất thập lục danh, tế táng tuất thưởng như lệ, câu nhập tự Chiêu Trung Từ.

Dịch nghĩa

Tháng 12 năm Càn Long thứ 55 (1790) truy cứu những người chết trận trong chuyến đánh An Nam gồm có: một du kích là Tiêu Ứng Đắc, sáu đô ti là bọn Hư Văn Khôi, 9 thủ bị là bọn Phùng Thiên Dư, 14 thiên tổng là bọn Dương Phó Long, 10 bả tổng là bọn Lý Thế Tuấn, 91 ngoại uỷ là bọn Tạ Đình Siêu, 14 ngoại uỷ ngạch là bọn Quan Tú Phương, còn lại mã binh, bộ binh, quân sĩ là 6876 người, theo lệ tế và chôn cất, thưởng tuất, tất cả đều được thờ trong Chiêu Trung Từ.

Xem như thế chúng ta thấy theo danh sách chính thức của nhà Thanh, số binh sĩ tử trận, ngoài những võ quan cao cấp như đề đốc, tổng binh ra, số quan binh trung cấp và lính thường gồm có:

- du kích	1	(thượng tá)
- đô ti	6	(trung tá)
- thủ bị	9	(thiếu tá)
- thiên tổng	14	(đại úy)
- bả tổng	10	(trung úy)
- ngoại uỷ	91	
- ngoại uỷ ngoài ngạch	14	
- mã bộ, binh đình	6876	

Tổng cộng 7021

Những chi tiết này tuy rõ ràng nhưng lại có đôi phần khác biệt với danh sách mà Trang Cát Phát nêu ra ở trên. Một điều khá rõ rệt là thành phần chỉ huy chạy thoát về xem ra

rất ít, ngoài hai tên Tôn Sĩ Nghị và Khánh Thành chúng ta không ghi nhận những tên tuổi khác. Điều đó ít nhiều cho thấy sự hoảng loạn và sự thiếu kế hoạch rút lui của quân Thanh.

Theo ghi nhận, hầu hết các võ quan sang nước ta đều tử trận trong đó có những nhân vật cao cấp nhiều thành tích. Điều này giúp chúng ta xác định lại chi tiết của trận đánh Thăng Long, quân Thanh quả thực thiệt hại rất lớn và có nhiều điều chưa minh bạch, mặc dù những số liệu ghi trong ngoại sử của ta cũng không hẳn đã chính xác.

Ngoài ra còn khoảng gần 800 người bị bắt, tính ra theo số liệu của nhà Thanh thì họ tổn hại tổng số độ 8000 người. Tuy nhiên con số trên đây không tính tới thành phần tham chiến khác như quân Cần Vương của nhà Lê, các thổ binh, thổ hào, dân công, và một số đông phu mỏ, Hoa kiều ... có thể cũng bị giết trong khi giao chiến hay bị trả thù. Những con số đó không ước tính được là bao nhiêu, hẳn cũng lên đến nhiều ngàn người nữa. Như vậy quân Thanh và đồng bọn thiệt hại có thể từ một đến vài vạn người.

Về phần quân Nam, trong vai tấn công, đánh biển người, đánh thí mạng chắc chắn thiệt hại cũng không ít nhưng con số không được tính toán chính xác nên không rõ là bao nhiêu. Thành phần tân tuyển từ Thanh – Nghệ hẳn là đông hơn cả. Số binh lính đó về sau không biết ra sao, phần lớn phải tự tìm đường trở về nhà nhưng không ít người hoà nhập với dân ở ngoài bắc hoặc lẩn mò tới một số vùng đất tân bồi vùng duyên hải lập nghiệp, kiến tạo một số làng xã mới vẫn còn tồn tại tới ngày nay.

TỔN THẤT CỦA QUÂN THANH

* tử trận

Họ và Tên	Chức vụ – Cấp bậc	Tướng đương	Tài liệu	Chú thích
Tôn Sĩ Nghị	Tổng đốc			VỀ nước an toàn
Khánh Thành	Phó tướng			VỀ nước an toàn
Phú Cường	Tổng đốc			VỀ nước an toàn
Ô Đại Kinh	Đề đốc	Đại tướng		VỀ nước an toàn
Định Trụ	Tổng binh	Trung tướng		VỀ nước an toàn
Tôn Khởi Giao	Tổng binh	Trung tướng		VỀ nước an toàn
Hứa Thế Hanh* (許世亨)	Đề đốc	Đại tướng		1 người
Thượng Duy Thăng* (尚維昇)	Tổng binh	Trung tướng		1 người
Trương Triều Long* (張朝龍)	Tổng binh	Trung tướng		1 người
Lý Hoá Long* (李化龍)	Phó tướng	Thiếu tướng		1 người
Hình Đôn Hành* (邢敦行)	Phó tướng	Thiếu tướng		1 người
Dương Hưng Long* (楊興龍)	Tham tướng	Đại tá		1 người
Vương Tuyên* (王宣)	Tham tướng	Đại tá		1 người
Anh Lâm* (英林)	Tham tướng	Đại tá		1 người
Tiêu Ứng Đắc* (蕭應得)	Du kích	Thượng tá		1 người
Minh Trụ* (明柱)	Du kích	Thượng tá		1 người
Trương Thuần* (張純)	Du kích	Thượng tá		1 người
Vương Đàn* (王丹)	Du kích	Thượng tá		1 người

(王檀)				
Lưu Việt* (劉越)	Du kích	Thượng tá		1 người
Hư Văn Khôi* 虛文魁	Đô ti	Trung tá		6 người
Đặng Vĩnh Lượng* (鄧永亮)	Đô ti	Trung tá		
Phùng Thiên Dư* (馮天興)	Thủ bị	Thiếu tá		9 người
Lê Chí Minh * (黎致明)	Thủ bị	Thiếu tá		
Dương Phó Long* (楊赴龍)	Thiên tống	Đại úy		14 người
Lý Thế Tuấn* (李世俊)	Bả tống	Trung úy		10 người
Tạ Đình Siêu* (謝廷超)	Ngoại uỷ			91 người
Quan Tú Phương* (關秀芳)	Ngoại uỷ (ngoại ngạch)			14 người
Viên Thiên Quì* (袁天達)	Tri huyện			1 người
Trương Thành* (張誠)	Kinh lịch			1 người
*	mã bộ, binh đinh			6876 người
Sâm Nghi Đống* Thổ binh *	Thổ ti			1 người
Dân phu*				Khoảng 1000–1500 người
Hoa kiều*				Không có số liệu
Quân nhà Lê*				Không có số liệu

KẾT LUẬN

Cuộc chiến Việt Thanh tuy ngắn ngủi nhưng trong qui mô quân sự của nhà Thanh, số tướng lĩnh tham dự không phải là ít. Hầu như tất cả những viên chức cao cấp của bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu đều có mặt. Cánh quân Vân Quý không đụng trận với quân nam nên rút về an toàn còn lộ quân phía đông do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy bị đánh tan tành, hầu hết các cấp chỉ huy đều bị tử trận.

Chi tiết về trận đánh ở Thăng Long, hành trạng của mỗi người – từ bản thân Tôn Sĩ Nghị đến vai trò của từng tướng lĩnh – đã được miêu tả trong biên khảo “Trận Kỳ Dậu” nên chúng tôi không đề cập đến ở đây. Việc truy tìm tiểu sử cá nhân chỉ phần nào giúp chúng ta có cái nhìn chính xác hơn về thành phần chỉ huy của địch.

Một điều chắc chắn, những tướng lĩnh của nhà Thanh không kém cỏi như chúng ta tưởng. Các tướng lĩnh đều có nhiều kinh nghiệm chiến đấu và đã từng vào sinh ra tử trong nhiều chiến dịch lớn, ai cũng leo lên nấc thang danh vọng bằng công lao hãn mã. Hơn thế nữa, tổng binh, đề đốc không chỉ là một cấp bậc mà còn là một chức vụ quan trọng trong cơ chế tổ chức quân sự của nhà Thanh, tương đương như tư lệnh một quân khu của Việt Nam hay hơn nữa.

Việc một số tướng lĩnh cao cấp bỏ mình trong chiến dịch Việt – Thanh đã khiến cho Thanh triều hết sức khó xử. Hưng binh đánh một tiểu quốc nhiều phiêu lưu và tốn phí nhất là vua Càn Long đã từng nếm mùi thất bại tại Miến Điện mà hoàn cảnh địa dư và xã hội nhiều tương đồng với nước Nam. Tới gần đây, sau khi tìm hiểu một số mật dụ và văn thư trao đổi của triều đình nhà Thanh chúng ta có thể nhìn được khung cảnh ngoại giao giai đoạn đó với những chi tiết mới. Chính vì thế, việc Nguyễn Huệ cầu hoà có thể nói là một cơ hội hết sức quý giá để rửa mặt cho thiên triều khiến không phải chỉ vua Thanh mà cả Phúc Khang An và các đại thần trong Quân Cơ Xứ thở phào nhẹ nhõm. Có lẽ vì thế mà vua Quang Trung được ưu đãi hơn bất cứ một triều đại nào trong sử sách nước ta.

Tháng 8 năm 2005

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đàm Kỳ Tương 譚其驤 (chủ biên). *Trung Quốc Lịch Sử Địa Đồ Tập* (中國曆史地圖集) (8 cuốn). Bắc Kinh: Trung Quốc Địa Đồ xb xã, 1996.
2. Elman, Benjamin A. *A Cultural History of Civil Examinations in Late Imperial China*. Calif: University of California Press, 2000.
3. Heath, Ian. *Armies of the Nineteenth Century: Asia V. 2: China*. Great Britain: Foundry Books, 1998.
4. Hummel, Arthur W. (ed.) *Eminent Chinese of the Ch'ing Period (1644-1912)*. Taipei: Ch'eng Wen Publishing Co., 1970.
5. Lại Phúc Thuận (賴福順). *Càn Long Trọng Yếu Chiến Tranh Chi Quân Nhu Nghiên Cứu* (乾隆重要戰爭之軍需研究). Đài Bắc: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, 1984.
6. Lý Thế Du (李世愉). *Thanh Đại Thổ Ti Chế Độ Luận Khảo* (中國土司制度論考). Bắc Kinh: Trung Quốc Xã Hội Khoa Học xb xã, 1998.
7. Peers, Chris và Christa Hook. *Late Imperial Chinese Armies 1520-1840*. London: Reed International Books Ltd., 1997.
8. Peyrefitte, Alain. *The Collision of Two Civilisations: The British Expedition to China 1792-4*. London: Harvill, 1993 (Jon Rothschild dịch từ nguyên tác *L'Empire Immobile ou Le Choc des Mondes*, Librairie Arthème Fayard, 1989)
9. Phương Thi Danh (Nguyễn Liên Hoàn dịch). *Niên Biểu Lịch Sử Trung Quốc*. Hà Nội: nxb Thế Giới, 2001.
10. Quách Chấn Đạc (郭振鐸), Trương Tiếu Mai (張笑梅) chủ biên. *Việt Nam Thông Sử* (越南通史). Bắc Kinh: Trung Quốc Nhân Dân Đại Học xb xã, 2001.
11. Selby, Stephen. *Chinese Archery*. Hongkong: Hongkong University Press, 2000.
12. Thanh Sử Cảo (quyển 330, 334)
13. Toan Ánh. *Nếp Cũ*. Calif: Xuân Thu, không đề năm
14. Trang Cát Phát (莊吉發). *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (清高宗十全武功研究). Đài Bắc: Đài Loan Cổ Cung Tùng San, 1982. (bản chụp lại, Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1987)

15. Trương Tác Hiểu (張作曉). *Trung Quốc Lịch Sử Từ Điển* (中國歷史辭典). Bắc Kinh: Văn Hoá Nghệ Thuật xb xã, 1991.
16. Victoria and Albert Museum. *Treasures of China Diary 1990*. London: Century Benham Ltd., 1989.
17. Vương Hồng Bằng (王鴻鵬) et al. *Trung Quốc Lịch Đại Võ Trạng Nguyên* (中國曆代武狀元). Bắc Kinh: Giải Phóng Quân Xuất Bản Xã, 2004.
18. Vương Triệu Xuân (王兆春). *Trung Quốc Cổ Đại Binh Khí* (中國古代兵器). Nhậm Kế Dũ (任繼愈) chủ biên. Bắc Kinh: Thương Vụ Ấn Thư Quán, 1996.

¹ Đồi Đường, một đầu là 5.94 kg, vẩy 5 đầu khoảng 30 kg. (theo Trương Tác Hiểu: *Trung Quốc Lịch Sử Từ Điển* của Bắc Kinh: Văn Hoá Nghệ Thuật xb xã, 1991 tr. 1736)

² Theo *Trung Quốc Lịch Sử Từ Điển* thì đồi Đường một thước khoảng chừng .3 mét, nếu vẩy phải cao 1.8 mét trở lên, c không chính xác. Tuy nhiên tác giả có phụ chú là cùng một thời có rất nhiều chế độ đo lường nên không rõ 1 thước đó tính như thế nào.

³ Vương Hồng Bằng (王鴻鵬) et al. *Trung Quốc Lịch Đại Võ Trạng Nguyên* (中國曆代武狀元) (Bắc Kinh: Giải Phóng Quân Xuất Bản Xã, 2004) tr. 6

⁴ Stephen Selby, *Chinese Archery* (Hongkong: Hongkong University Press, 2000) tr. 349 và Thanh Sử Cảo quyển 108 (Chí 83, tuyển cử tam). Dưới triều Nguyễn thì ai đỗ kỳ thi hội gọi là phó bảng, đỗ thi đình mới được gọi là tiến sĩ nhưng không lấy Trạng Nguyên, cao nhất là Bảng Nhãn rồi tới Thám Hoa (nhất giáp tiến sĩ). Phân số không đủ thì đỗ Hoàng Giáp (nhị giáp tiến sĩ). Những người dưới nữa đều là tiến sĩ (tam giáp tiến sĩ).

⁵ Ba lần sát hạch này gồm kéo một cây cung cứng (dẫn ngành cung - 引硬弓), múa một thanh đao nặng (huy hoa đao - 揮花刀) và cử một tảng đá (xuyết thạch - 掇石).

⁶ Theo Thanh Sử Cảo thì gồm hai câu hỏi và một bài luận (三場策二問, 論一篇)

⁷ nội trường gọi là sách thí (策試), ngoại trường gọi là duyệt thí (閱試)

⁸ Stephen Selby, sđd. tr. 350

⁹ ... *Although local magistrates and prefects were civil officials, they were also responsible for supervising and grading local licensing and qualifying examinations for the military bureaucracy (wu-chu 武舉). This required literati oversight of military guard selection in local communities.* Benjamin A. Elman, *A Cultural History of Civil Examinations in Late Imperial China* (Calif: University of California Press, 2000) tr. 222

¹⁰ Các khoa thi võ ở nước ta đời Nguyễn cũng tương tự như thi cử đời Thanh nhưng dường như ít chú trọng đến binh pháp mà đặt nặng vấn đề chiến đấu cá nhân (võ nghệ) trong khi nhà Thanh chú trọng đến cưỡi ngựa, bắn cung. Nước ta ít ngựa nên không thi cưỡi ngựa chỉ có xách tạ và múa côn sang (thương). Ngoài ra còn thi bắn súng hiệp. Xem ra, nếu có tập võ thì côn, thương là chính. Đời Minh Mạng có thi đánh quyền, đấu gươm bằng gỗ, lãn khiên. Sang đời Tự Đức, thi bốn kỳ, đệ nhất xách tạ, đệ nhị múa côn ba bài, lãn khiên, gươm, siêu, độc kiếm và thi đâm bù nhìn bằng giáo, đệ tam bằng súng máy đá, đệ tứ đấu roi, bắn bia. Trước khi xướng danh phải thi xách tạ để phòng kẻ gian. Qua kỳ thi Hội thì khó hơn

nhiều, bao gồm thập bát ban võ nghệ, đấu quyền, đấu roi, đấu côn và thi bắn. Ngoài ra còn thi sát hạch binh thư. (Xem thêm Toan Ảnh, *Nếp Cũ Calif*: Xuân Thu, không đề năm) tr. 142-152

¹¹ một lực bằng 10 cân, khoảng 5.9 kg

¹² cung tất tam thứ khai mãn, đao tất tiền hậu hung vũ hoa, xuyết thạch tất khứ địa nhất xích

(弓必三次開滿，刀必前後胸舞花，掇石必去地一尺)

¹³ bia làm bằng vải trải trên một khung gỗ 1.92 x .90m. Khi dựng trên sân bắn, hai góc có cắm hai ngọn cờ đuôi nheo nhỏ để chỉ hướng gió. Mặt bia vẽ một hình tròn hình rồng cuộn làm hồng tâm. Tuy nhiên dù bắn trúng đầu cũng vẫn tính, ngoại trừ trúng khung ngoài.

¹⁴ Stephen Selby: *Chinese Archery*, tr. 350-54

¹⁵ Theo Ian Heath trong *Armies of the Nineteenth Century: Asia V. 2: China* (Great Britain: Foundry Books, 1998) trang 18-9 thì những cấp bậc đó tương đương với hiện thời như sau: *Đề Đốc* (đại tướng), *Tổng Bình* (trung tướng), *Phó Tướng* (thiếu tướng), *Tham Tướng* (đại tá), *Du Kích* (thượng tá), *Đô Ti* (trung tá), *Thủ Bị* (thiếu tá), *Thiên Tổng* (đại úy), *Bả Tổng* (trung úy) ... Tuy nhiên nếu là ngoại vi thiên tổng thì chỉ tương đương trung sĩ còn ngoại vi bả tổng chỉ tương đương hạ sĩ. Những phiên dịch này không hoàn toàn chính xác nhưng cũng cho ta một số khái niệm về tổ chức quân sự của nhà Thanh thời đó.

¹⁶ Câu chuyện này do Tôn Sĩ Nghị và Khánh Thành dựng lên cốt để che dấu tội lỗi. Về sau, khi một số quan quân bị bắt làm tù binh được trả cho nhà Thanh có cung khai rõ về trận đánh thì tình hình không phải như thế. Chính Tôn Sĩ Nghị khi qua được sông rồi liền sai Khánh Thành chặt cầu, bỏ mặc thuộc hạ và toàn bộ binh sĩ ở bên kia, hai thầy trò cùng đám tàn quân chạy lấy thân. (Xem “Trận Kỷ Dậu”, biên khảo của Nguyễn Duy Chính).

¹⁷ Xem thêm “Loạn Tam Phiên” trong *Tổ Chức Quân Sự Nhà Thanh*, biên khảo của Nguyễn Duy Chính.

¹⁸ Tăng tôn (great-grandson)

¹⁹ Tôn Tư Khắc (1628-1700), một danh tướng đầu đời Thanh, lập nhiều công trạng trong việc bình định tàn quân nhà Minh ở Quý Châu, Vân Nam. Năm 1695, đem quân đi đánh Galdan (Cát Nhĩ Đan), một tù trưởng người Eleuths Mông Cổ. Khi chết ban thụy hiệu Tương Võ, Thái Tử Thái Bảo, có hình trong Tử Quang Các.

²⁰ Điền Châu nằm ở phía tây Quảng Tây, gần biên giới Vân Nam, giữa hai phủ Tư Ân và Trấn An.

²¹ Lý Thế Du (李世愉): *Thanh Đại Thổ Ti Chế Độ Luận Khảo* (中國土司制度論考) (Bắc Kinh: Trung Quốc Xã Hội Khoa Học xb xã, 1998) tr. 136

²² Cung Trung Đáng, hòm 2727, bao 226, số hiệu 56526, tấu triệp của Tôn Sĩ Nghị đề ngày 15 tháng 2 năm Càn Long thứ 54

²³ Trang Cát Phát (莊吉發). *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (清高宗十全武功研究). (Đài Bắc: Đài Loan Cổ Cung Tùng San, 1982) tr. 380

²⁴ Cung Trung Đáng, hòm 2727, bao 225, số hiệu 56262, tấu triệp của Tôn Vĩnh Thanh đề ngày 14 tháng giêng năm Càn Long 54 (Trang Cát Phát: sdd tr. 380-1)

²⁵ Lại Phúc Thuận (賴福順). *Càn Long Trọng Yếu Chiến Tranh Chi Quân Nhu Nghiên Cứu* (乾隆重要戰爭之軍需研究). Đài Bắc: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, 1984. tr. 409-10

²⁶ Lai Phúc Thuận: sdd tr. 430

²⁷ trích theo bản dịch của Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch (nxb Văn Học 2002)